

17. Vốn chủ sở hữu

a- Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Các quỹ	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023					
Số dư đầu năm	165.000.000.000	1.049.000.000	5.811.962.000	11.050.664.230	182.911.626.230
Tăng vốn trong năm					
Thặng dư vốn cổ phần					
Lợi nhuận trong kỳ				13.702.276.482	13.702.276.482
Chia cổ tức năm kỳ 2/2022				(8.250.000.000)	(8.250.000.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2023					
Số dư cuối năm	165.000.000.000	1.049.000.000	5.811.962.000	16.502.940.712	188.363.902.712
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024					
Số dư đầu năm	165.000.000.000	1.049.000.000	5.811.962.000	16.502.940.712	188.363.902.712
Tăng vốn trong năm					
Thặng dư vốn cổ phần					
Lợi nhuận trong kỳ				98.837.334	98.837.334
Chia cổ tức năm 2023					
Tạm ứng cổ tức năm 2024					
Số dư cuối kỳ	165.000.000.000	1.049.000.000	5.811.962.000	16.601.778.046	188.462.740.046

b. Vốn điều lệ

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Tỷ lệ	VND	tỷ lệ	VND
Ông Lê Đình Sung	15,16%	25.011.850.000	15,16%	25.011.850.000
Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	14,55%	24.000.000.000	14,55%	24.000.000.000
Bà Phạm Thị Mỹ Liên	13,64%	22.500.000.000	13,64%	22.500.000.000
Bà Trần Thiên Như An	5,53%	9.119.000.000	5,53%	9.119.000.000
Ông Lê Đình Minh	5,04%	8.308.360.000	5,04%	8.308.360.000
Các cổ đông khác	46,10%	76.060.790.000	46,10%	76.060.790.000
Cộng	100,00%	165.000.000.000	100,00%	165.000.000.000

c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	16.500.000	16.500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	16.500.000	16.500.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.500.000	16.500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	16.500.000	16.500.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng / cổ phiếu

18. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng
hoạt động tài sản không hủy ngang theo các mốc thời gian
Từ 01 năm trở xuống
Từ 02 đến 05 năm
Trên 05 năm

Cộng

Các khoản thanh toán tiền thuê tài sản hoạt động thể hiện số tiền thuê đất tại TP. Đông Hà, huyện Vĩnh Linh, huyện Cam Lộ, huyện Triệu Phong với đơn giá tính tiền thuê đất được UBND tỉnh công bố, Sở Tài nguyên - Môi trường áp dụng ký kết hợp đồng và giao cho Cục Thuế tỉnh thu hàng năm.

Số cuối kỳ	Số đầu năm
VND	VND
777.875.420	534.446.268
3.111.501.680	2.137.785.072
12.578.474.489	9.768.110.778
16.467.851.589	12.440.342.118

VI - THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01)

Doanh thu bán các sản phẩm xi măng
Doanh thu bán các sản phẩm gạch tuynen
Doanh thu bán các sản phẩm gạch không nung,
Doanh thu bán các sản phẩm đá và bột đá
Doanh thu cung cấp dịch vụ
Doanh thu khác

Cộng

kỳ nay	Năm trước
VND	VND
8.491.110.416	17.389.009.905
5.674.427.766	14.292.732.923
545.323.937	1.128.453.781
1.867.636	
428.652.393	464.532.496
	754.058.000
15.141.382.148	34.028.787.105

2. Giá vốn hàng bán (Mã số 11)

Giá vốn bán các sản phẩm xi măng
Giá vốn bán các sản phẩm gạch tuynen
Giá vốn bán các sản phẩm gạch không nung,
Giá vốn bán các sản phẩm đá và bột đá
Giá vốn cung cấp dịch vụ
Giá vốn khác

Cộng

kỳ nay	Năm trước
VND	VND
6.526.699.530	12.290.290.340
5.678.285.670	13.348.217.071
385.341.056	813.975.531
1.149.186	
446.455.404	484.520.903
	502.328.100
13.037.930.846	27.439.331.945

4. Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)

- Lãi tiền gửi không kỳ hạn
- Lãi tiền gửi có kỳ hạn
- Lãi trái phiếu

Cộng

kỳ nay	Năm trước
VND	VND
1.485.903	1.739.912
1.265.033.305	2.398.767.123
576.500.000	629.315.068
1.843.019.208	3.029.822.103

5. Chi phí tài chính (Mã số 22)

- Chi phí Lãi tiền vay

Cộng

kỳ nay	Năm trước
VND	VND
	28.940.504
	28.940.504

6. Thu nhập khác

- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ;
- Các khoản khác.

Cộng

kỳ nay	Năm trước
VND	VND

7. Chi phí khác

- Thanh lý TSCĐ;
- Khấu hao, chi phí của cơ sở ngừng SX
- chi thù lao thành viên HĐQT không chuyên trách
- Các khoản khác.

Cộng

kỳ nay	Năm trước
VND	VND
441.424.555	
34.263.490	41.756.350
475.688.045	41.756.350

8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong

Chi phí nhân viên quản lý

Chi phí vật liệu quản lý

Chi phí đồ dùng văn phòng

Chi phí khấu hao TSCĐ

Thuế, phí và lệ phí

Dự phòng

Chi phí dịch vụ mua ngoài

Chi phí bằng tiền khác

b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

Chi phí nhân viên bán hàng

Chi phí vật liệu, bao bì

Chi phí khấu hao, dụng cụ, đồ dùng

Chi phí khấu hao TSCĐ

Chi phí vận chuyển và dịch vụ mua ngoài

Chi phí bằng tiền khác

kỳ nay	Năm trước
VND	VND
1.109.258.338	1.576.964.868
548.923.990	850.341.312
544.115	3.600.000
5.596.685	29.090.909
116.364.312	50.370.456
6.000.000	6.000.000
19.771.408	7.881.776
412.057.828	629.680.415
2.119.055.448	1.932.789.433
1.072.262.480	713.701.002
407.459.485	632.583.537
11.194.549	
499.386.215	
12.496.655	289.830.000
116.256.064	296.674.894

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu
- Chi phí nhân công
- Chi phí khấu hao tài sản cố định
- Chi phí trích lập dự phòng
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí khác bằng tiền

Cộng

kỳ nay	Năm trước
VND	VND
	19.233.177.207
	8.138.532.073
	1.244.270.060
	2.797.153.026
	939.590.309
	32.352.722.675

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Mã số 51)

	kỳ nay VND	Năm trước VND
a. Lợi nhuận kế toán trước thuế	242.468.679	6.038.826.108
b. Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	475.688.045	41.756.350
<i>Trong đó: + Chi phí không được trừ</i>	475.688.045	41.756.350
<i>+ Khấu hao xe vượt khung</i>		
c. Thu nhập chịu thuế TNDN (c=a+b)	718.156.724	6.080.582.458
d. Thuế suất	20%	20%
e. Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất (e=c*d)	143.631.345	1.216.116.492
f. Thu nhập miễn, giảm thuế cho dự án gạch không nung		143.150.424
g. Thuế thu nhập giảm cho dự án gạch không nung		14.315.042
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	143.631.345	1.201.801.449

(*) Theo giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ngày 05/5/2017 và các quy định về thuế TNDN hiện hành, Công ty được miễn thuế TNDN 02 năm và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 04 năm tiếp theo đối với dự án sản xuất gạch không nung kể từ năm 2018. Năm 2023 Công ty được giảm 50% số thuế TNDN phải nộp đối với dự án SX gạch không nung

11. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	kỳ nay VND	Năm trước VND
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	98.837.334	4.837.024.659
- Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	98.837.334	4.837.024.659
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	16.500.000	16.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6	293

VIII- NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Báo cáo bộ phận

Các bộ phận	Doanh thu	Giá vốn	Chi phí bán hàng	Chi phí QLDN	Lãi, lỗ
1. Xi măng	8.491.110.416	6.526.699.530	626.442.387	605.750.754	732.217.745
2. Gạch tuynen	5.674.427.766	5.678.285.670	1.434.704.138	431.497.150	-1.870.059.192
3. Gạch không nung	545.323.937	385.341.056	57.908.923	40.426.899	61.647.059
4. Bột đá	1.867.636	1.149.186		116.319	602.131
5. Vận chuyển	428.652.393	446.455.404		31.467.216	-49.270.227
6. Doanh thu khác					0
Cộng	15.141.382.148	13.037.930.846	2.119.055.448	1.109.258.338	-1.124.862.484
Doanh thu tài chính					1.843.019.208
Chi phí tài chính					0
Thu khác					0
Chi phí khác					0
Lợi nhuận trước thuế					475.688.045
Thuế TNDN					242.468.679
Lợi nhuận sau thuế					143.631.345
					98.837.334

2. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ

Bên liên quan

- Ông Lê Đình Sung
- Công ty TNHH Minh Hưng
- Công ty TNHH Minh Hưng

Công ty TNHH MTV Phú Vinh Thịnh

Mối quan hệ

Chủ tịch Hội đồng quản trị
Cùng chủ sở hữu
Cùng người quản lý Công ty (ông Lê Đình Minh là thành viên HĐQT, cổ đông lớn của Công ty; đồng thời là thành viên Hội đồng thành viên và Phó Giám đốc Công ty TNHH Minh Hưng)

Bên liên quan (Ông Nguyễn Văn Tú là con rể của Ông Lê Đình Sung - Chủ tịch HĐQT của Công ty, đồng thời là chủ sở hữu và người đại diện theo pháp luật Công ty TNHH MTV Phú Vinh Thịnh)

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

Chi tiêu

Bán sản phẩm

- Công ty TNHH Minh Hưng
- Công ty TNHH MTV Phú Vinh Thịnh

	kỳ nay	Năm trước
	VND	VND
Cộng		

Mua hàng hóa, dịch vụ

- Công ty TNHH Minh Hưng
- Công ty TNHH MTV Phú Vinh Thịnh

	kỳ nay	Năm trước
	349.286.859	322.309.500
	2.182.699.000	5.864.132.000
Cộng	2.531.985.859	6.186.441.500

Trả trước cho người bán

- Công ty TNHH Minh Hưng
- Công ty TNHH MTV Phú Vinh Thịnh

	kỳ nay	Năm trước
	VND	VND
Cộng		3.000.000.000
		3.000.000.000

Phải trả người bán ngắn hạn

- Công ty TNHH Minh Hưng
- Công ty TNHH MTV Phú Vinh Thịnh

	Cuối kỳ	Đầu năm
	133.893.815	116.208.400
Cộng	133.893.815	116.208.400

3. Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát

	Chức vụ	Thu nhập	
		Năm nay	Năm trước
		VNĐ	VNĐ
Hội đồng quản trị			
Ông Lê Đình Sung	Chủ tịch Hội đồng quản trị	62.700.982	92.051.189
Ông Trần Cảnh Bình	Thành viên HĐQT	21.000.000	21.000.000
Bà Phạm Thị Mỹ Liên	Thành viên HĐQT	21.000.000	21.000.000
Ông Lê Đình Minh	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm tháng 4/2022)	18.000.000	18.000.000
Ông Trương Đức Trí	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm tháng 4/2021)	16.200.000	18.000.000
Ban Tổng Giám			
Ông Trần Cảnh Bình	Tổng Giám đốc	22.993.813	39.673.709
Bà Phạm Thị Mỹ Liên	Phó Tổng Giám đốc	19.396.137	34.260.289
Ông Đặng Sĩ Tiếp	Phó Tổng Giám đốc	24.295.393	25.564.552
Ông Hồ Đăng Vinh	Phó Tổng Giám đốc	18.558.261	33.422.412
Ban Kiểm soát			
Ông Phạm Quốc Hải	Trưởng ban Kiểm soát (bổ nhiệm tháng 4/2023)	18.000.000	15.000.000
Ông Thái Vĩnh Đồng	Thành viên ban KS (bổ nhiệm tháng 4/2022)	15.000.000	15.000.000
Bà Võ thị Ngọc Hà	Thành viên ban KS (bổ nhiệm tháng 4/2023)	15.000.000	15.000.000
Ông Lê Quang Hùng	Trưởng ban Kiểm soát (miễn nhiệm 4/2023)		18.000.000
Cộng		272.144.586	350.972.151

4. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính.

5. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán.

NGƯỜI LẬP BIỂU/KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

Nguyễn Bá Hải

Lập, Ngày 16 tháng 04 năm 2024

Người đại diện theo pháp luật

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Lê Đình Sung